

LUẬN A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 4

Phẩm 8: KHẾ KINH

Đã nói xong về phẩm Định, bây giờ sẽ nói: Về Phẩm Khế kinh.

Đấng Nhất Thiết Trí nói

Nghĩa màu nhiệm khế kinh

Bây giờ tôi sẽ nói

Hãy dùng tâm thiện nghe.

Mặc dù đã có nghĩa của Khế kinh, của tất cả A-tỳ-đàm, nhưng các Khế kinh cũng nên phân biệt đủ, nay sẽ nói về vấn đề này.

Đức Thế Tôn nói ba cõi: Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Hỏi: Ba cõi này, như thế nào?

Đáp:

Dục có mười cư trú

Cõi Sắc nói mười bảy

Cõi Vô Sắc có bốn

Ba hữu cũng như vậy.

Cõi Dục có mười chỗ cư trú, nghĩa là cõi Dục này có mười chỗ cư ngụ là: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người và sáu tầng trời cõi Dục: Trời Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba, trời Diêm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, là chỗ chúng sinh khởi lên ý tưởng ham muốn.

Trong xứ sở này hoặc vật có thể được, đều là sở hữu của sự dâm dục nên nói là cõi Dục.

Hỏi: Thế nào là cõi Sắc?

Đáp: Cõi Sắc nói mười bảy, nghĩa là nói cõi Sắc có mười bảy chỗ ở: Phạm Thân, Phạm-Phú-Lâu, Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Diệu, Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh, Vô Quái Ngại, Thọ Phước, Quả Thật, Vô Tướng, Chúng Sinh Bất Phiền, Bất Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh.

Những xứ sở trên đây, không sinh khởi tướng ham muốn, chỉ thành sắc rất mầu nhiệm. Vì không phải hình nam, không phải hình nữ nên nói là cõi Sắc.

Trong cõi Vô Sắc có bốn, nghĩa là cõi Vô Sắc có bốn nơi cư trú: Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tướng Phi phi tướng xứ. Xứ sở này không có sắc. Họ đã lìa sắc dục, nên gọi là cõi Vô Sắc.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Ba hữu là Dục hữu, Sắc hữu, Vô Sắc hữu. Ba hữu này như thế nào?

Đáp: Ba hữu cũng giống như vậy, nghĩa là chia ba cõi trước, tức là ba hữu.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã nói bảy thức trụ, thức trụ này là sao?

Đáp:

*Nẻo thiện là cõi Dục
Và ba địa cõi Sắc
Vô Sắc cũng như vậy
Tuệ biết các thức trụ.*

Trong cõi Dục này, số nẻo thiện, như người, sáu tầng trời cõi Dục, ba địa trước của cõi Sắc, ba địa trước của cõi Vô Sắc.

Địa trên của Sơ thiên, địa Nhị thiên có ba. Địa trên của Nhị thiên, địa Tam thiên có ba. Trên địa của Tam thiên, địa Tứ thiên có chín. Trong đó, ba địa trước và ba địa trước của Vô Sắc, là nói bảy thức trụ. Vì sao? Vì thức không hoại, khổ thọ trong đường ác đã làm cho thức bị hư hoại, nên không lập được thức trụ. Ở thiên thứ tư, bị định Vô tướng đã làm hư hoại thức, nên cũng không lập được thức trụ. Phi tướng phi phi tướng xứ thì định Diệt tận làm hư hoại thức, nên không lập được thức trụ, cho nên không nói.

*Đệ nhất hữu, Vô tướng
Chúng sinh cư có chín
Bốn ấm, các hữu lậu
Là nói bốn thức trụ.*

Đệ nhất hữu, Vô tướng, nơi chúng sinh cư trú, nói là chín, nghĩa là bảy thức trụ này và chúng sinh Vô tướng, Phi tướng Phi phi tướng, là nói nơi cư trú của chín loài chúng sinh. Vì ở trong đó chúng sinh cư trú nên nói là chúng sinh cư trú.

Bốn ấm của các hữu lậu, được gọi là bốn thức trụ. Nghĩa là Sắc hữu lậu, thọ, tưởng, hành, nếu thức nối tiếp nhau, sẽ có bạn này, nên nói là thức trụ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói mười hai chi duyên khởi, về tướng của mười hai duyên khởi này, cũng nên nói về tướng?

Đáp:

*Các phiền não và nghiệp
Có thể sinh dần dần
Đấy gọi là chi hữu
Chúng sinh tất cả sinh.*

Trong đó, phiền não là vô minh, ái, thủ, gọi là nghiệp, nghĩa là hành và hữu được gọi là thể. Chi khác là sự sinh dần dần của tất cả chúng sinh, dựa vào thể để lập ra phiền não. Nghiệp do phiền não tạo ra, thể do nghiệp tạo nên. Thế nên chia ra mười hai thứ.

Hỏi: Các chi này diễn ra cùng lúc hay dần dần?

Đáp: Không phải cùng lúc. Mười hai ấm, khổ, nói là mười hai chi, vô minh đứng đầu.

*Chi hữu lập thứ lập
Thọ lãnh sự sống, chết
Quá khứ và vị lai
Ở giữa nói có tám.*

Chi hữu kia được lập theo trình tự, trong đó trước khi sinh, tất cả phiền não đều có chung và là bạn bè với nhau, được gọi là vô minh. Do vô minh này, nên tạo ra nghiệp, nghiệp tạo nên quả là hành. Hành sinh ra tâm của hạt giống là thức. Thức đó chung sinh bốn ấm nối tiếp nhau là Danh sắc. Trong danh sắc này, mắt là nơi nương dựa đứng đầu, các căn là sáu nhập. Căn, cảnh giới tâm cùng hòa hợp với nhau là cánh lạc (xúc). Xúc khiến sinh ra thọ nhận là thống (thọ), ái, thống mê đắm là ái. Thống (thọ) có đủ phiền muộn, nhọc nhằn, là thọ (thủ). Thủ đã phải vất vả gây tạo nghiệp là hữu. Trong hữu đó lại thọ nhận quả là sinh. Từ sinh kia lại sinh vô lượng tai ương, hoạn nạn là già, chết.

Như vậy, chi hữu này, hiện diện trong tất cả sự sống, hai thuộc về đời quá khứ và hai thuộc về vị lai, tám hữu thuộc đời hiện tại.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu cõi. Những cõi này như thế nào?

Đáp:

*Các đại, nói có bốn
Và với thức hữu lậu
Cũng sắc trung gian, biết
Cõi này nói gốc sinh.*

Các đại, có bốn và thức hữu lậu cũng là trung gian của sắc biết, nghĩa là bốn đại: Đất, nước, lửa, gió, thức hữu lậu và trung gian của sắc

có thể biết. Nói mắt đã tiếp nhận sáu pháp này, là nói về cõi.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có sáu giới trong rất nhiều pháp?

Đáp: Vì cõi này được gọi là gốc của sự sống. Sáu pháp ấy là gốc của sự sống, chết, trong ấy có tướng của con người. Ở đây, thân do đất sinh ra, nước làm cho thấm nhuần, lửa làm cho thành thực trừ bỏ thức ăn bị thối, gió làm khởi động nguồn uống ăn trong không gian, do gió vận hành ra vào, mà thức được thành lập. Trong thức này, khởi tướng của con người, vì là tánh của sự sống, chết, cho nên nói là giới.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn Thánh Đế. Tướng bốn Thánh đế này thế nào?

Đáp:

*Nếu các hành có quả
Hữu lậu, là nói khổ
Nếu có nhân là tập
Nếu dứt hết là diệt.*

Nếu các hành có quả hữu lậu, là nói khổ. Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều từ trong nhân sinh ra thì cũng sẽ tác động đến tất cả tai họa khổ não, thế nên, hết thấy hành đều gọi là khổ đế.

Nếu có nhân là tập, nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều nói là nhân. Vì lý do này, nên hết thấy hành đều gọi là tập đế. Như một cô gái, vừa gọi là mẹ, cũng gọi là thiếu nữ, chỉ có trước và sau. Như vậy, hành hữu lậu cũng vừa gọi là khổ đế, cũng vừa gọi là tập đế, vì đã sinh và sẽ sinh.

Nỗi đau khổ đã chấm dứt, gọi là diệt, nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều dứt trừ, dừng nghỉ, gọi là diệt đế.

*Nếu có hành vô lậu
Đó gọi là đạo đế
Đạo đế đó, hai việc
Thấy vương, biết vi tế.*

Nếu có hành vô lậu, phải gọi là đạo đế, nghĩa là hết thấy hành vô lậu đều gọi là đạo đế. Vì sao? Vì lúc đã dứt khổ, đều là Đạo.

Hỏi: Vì sao gọi là đế?

Đáp: Vì Đế kia, có hai việc, vì hai việc này nên gọi là đế. Vì tự tướng chân thật, không điên đảo, và vì nhận thấy tự tướng đó mà được ý không điên đảo.

Hỏi: Như nhân trước, quả sau. Vì sao, Đức Thế Tôn trước nói quả, rồi sau mới nói nhân?

Đáp: Thấy sự vương mắc là biết nguyên nhân vi tế. Mặc dù Thánh

Đế có nói trước tập, sau khổ, là trước tu đạo, sau mới được diệt, nhưng lẽ ra trước nên thấy khổ đế, sau thấy tập đế. Như vậy, trước nên thấy diệt đế, rồi sau mới thấy đạo đế. Vì sao? Vì khổ thì to, tập thì nhỏ, diệt thì thô, cạn, mà đạo thì rất vi tế, sâu xa. Thế nên, Đức Thế Tôn trước nói khổ đế, sau mới nói tập đế, trước nói diệt đế sau mới nói đạo đế.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn quả Thánh Sa-môn, quả này có bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Quả Thánh có sáu thứ
Hơn hết ở chín địa
Thứ ba ở sáu địa
Hai đều nương vị lai.*

Thánh quả có sáu thứ, nghĩa là sáu thứ bốn quả Sa-môn, năm ấm vô lậu và số duyên diệt.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn thuộc về địa nào?

Đáp: Hơn hết là ở chín địa, hơn hết là quả Vô trước (A-la-hán) là thuộc về chín địa. Bốn thiền căn bản, ba Vô sắc, Vị lai và Trung gian.

Thứ ba ở sáu địa, nghĩa là quả Bất hoàn thuộc về sáu địa, đầy đủ bốn thiền, vị lai và trung gian, không phải Vô sắc, vì không có Pháp trí.

Thứ hai đều dựa vào vị lai, nghĩa là quả Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hàm đều thuộc về thiền vị lai, do chưa lìa sự ham muốn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn đạo: Khổ không phải là đạo nhanh chóng, khổ là đạo nhanh chóng, niềm vui là đạo không nhanh chóng, niềm vui là đạo nhanh chóng. Tướng của bốn đạo này ra sao?

Đáp:

*Các pháp từ tín, hành
Tướng chậm: không phiền não
Các pháp từ pháp hành
Tướng nhanh không phiền não.*

Các pháp từ tín, hành, tướng chậm không phiền não, nghĩa là pháp vô lậu từ tín hành không phải nhanh chóng, do thuộc về nhóm căn độn nên chậm. Nếu thọ nhận căn này, thì phải biết đến lúc có được niềm tin và sự giải thoát thì mới giải thoát, vì thọ nhận cũng đồng với căn độn.

Các pháp từ pháp hành, tướng nhanh không phiền não. Nghĩa là pháp vô lậu xuất sinh từ pháp hành, là thuộc về chúng có căn cơ nhạy bén, cho nên nhanh chóng. Nếu thọ nhận căn cơ nhạy bén này phải thấy biết, đến bất thời giải thoát, vì thọ nhận cũng đồng thời với lợi căn

này.

*Trong địa thiên căn bản
Biết giả gọi tưởng vui
Vô ích và khó được
Ngoài ra là tưởng khổ.*

Biết giả gọi là tưởng vui, trong địa của thiên căn bản, nghĩa là căn cơ nhạy bén và pháp của căn độn, chậm lụt trong bốn thiên căn bản, gọi là vui với đạo. Vì sao? Vì đạo chỉ quán nên đạt được hành vui.

Vì ít và khó được, ngoài ra, đều là tưởng khổ: nghĩa là địa khác gồm nhiếp vô lậu là tưởng khổ. Vì sao? Vì ít. Đạo chỉ trong thiên trung gian, thiên vị lai ít, và quán trong Vô sắc cũng ít, nên rất khổ. Vì hoàn toàn khó được và vì ít, nên nói là khổ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn tịnh không hư hoại, là đối với Phật tịnh không hư hoại, đối với Giới, Pháp, Thánh Tăng tịnh không hư hoại. Việc này thế nào?

Đáp:

*Tự giác, pháp Thanh văn
Giải thoát cũng nhân khác
Tin thanh tịnh vô cấu
Giới Thánh và quyết định.*

Tự giác, pháp của Thanh văn, sự giải thoát cũng là nhân khác, với đức tín thanh tịnh không có cấu uế, nghĩa là tự giác là Phật. Đức Phật đó thuộc về quả Vô trước. Công đức vô học là pháp của Phật. Đối với pháp này, nếu có niềm tin vô lậu, thì nói là đã được thanh tịnh không hư hoại, đối với Đức Phật và dĩ nhiên đã chứng quả Thanh văn. Và công đức của Hữu học, vô học kia được gọi là pháp Thanh văn. Đối với pháp này, nếu có niềm tin vô lậu, thì đối với tăng, được gọi là sự thanh tịnh không hư hoại. Niềm tin vô lậu trong Niết-bàn và những pháp hữu vi khác, như tin tưởng ở khổ đế, tập đế.

Tin tưởng ở công đức vô lậu của Bồ-tát, tin tưởng vào pháp Hữu học, Vô học, Bích-chi-Phật thì gọi là được tịnh không hư hoại đối với pháp.

Giới của Thánh, là giới vô lậu. Đây là nói sự thanh tịnh không hư hoại đối với giới.

Hỏi: Vì sao gọi là tịnh không hư hoại? Hoàn toàn là vô lậu, không phải hữu lậu?

Đáp: Đạt được quyết định! Đây là sự quyết định, vì sinh tử trong chánh kiến, nên là tưởng vô lậu, giới vô lậu và định vô lậu.

Niềm tin hữu lậu, là niềm tin bị phá hoại vì bất tín. Giới hữu lậu, là giới đã bị phi giới phá bỏ, do vậy, không quyết định, còn vô lậu không hư hoại cho đến đời sau, là do sự quyết định, nên tịnh không hư hoại, là hoàn toàn vô lậu.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Tu định có bốn:

1. Có khi tu định, được yên vui trong hiện pháp.
2. Có khi tu định, được tri kiến.
3. Có khi tu định, được tuệ phân biệt.
4. Có khi tu định, được dứt hết lậu.

Tướng của tu định này ra sao?

Đáp:

*Sơ thiền nếu có thiện
Nói hiện pháp là vui
Nếu biết việc sống, chết
Đó gọi là tri kiến.*

Nếu Sơ thiền có điều thiện, nói hiện pháp là niềm vui: Nghĩa là Sơ thiền tịnh và Sơ thiền vô lậu có khả năng được ở trong niềm vui hiện pháp. Nếu biết được sanh tử thì gọi là tri kiến, nghĩa là sanh tử trí thông là nói tri kiến của tu định cùng nương vào năm ấm.

*Tuệ phân biệt phải biết
Mong cầu các công đức
Kim Cương dụ, bốn thiền
Đó gọi là lậu tận.*

Tuệ phân biệt, phải biết mong cầu được các công đức. Nghĩa là phương tiện sinh ra công đức, gọi là giới cõi Dục. Công đức của nghe, nghĩ, tu là tất cả pháp thiện của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Tất cả pháp hữu vi, vô lậu, hết thảy đều là tu định phân biệt tuệ.

Bốn thiền, định Kim Cương dụ được gọi là lậu tận. Kim Cương dụ gọi là tâm học sau cùng. Cùng tương ứng, cùng có thuộc về Tứ thiền, là nói tu định lậu tận. Nghĩa là gì? Đây là Đức Như Lai đã tự nói.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói về bốn như ý túc, bốn chánh đoạn và bốn ý chỉ. Các pháp đó cũng cần nói về tướng chẳng?

Đáp:

*Các pháp thiện hữu vi
Cầu phương tiện đẳng khởi
Phật nói như ý túc
Cũng hiện chánh ý đoạn.*

Các pháp hữu vi thiện, mong cầu phương tiện đều khởi, Phật nói

như ý túc, nghĩa là mong cầu phương tiện đặng khởi, thì như trước kia đã tu định tuệ phân biệt, nói là tất cả như ý túc, là đồ đựng thừa như ý. Cũng thể hiện chánh ý đoạn, nghĩa là tất cả công đức này gọi là chánh đoạn.

*Chánh đoạn là ý chỉ
Bốn Thánh chủng cũng vậy
Nói có sức nghĩ sinh
Do bậc Thánh kia nói.*

Chánh đoạn kia cũng là ý chỉ, tức là pháp chánh đoạn này cũng nói là ý chỉ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn Thánh chủng, bốn Thánh chủng này như thế nào?

Đáp: Bốn Thánh chủng cũng vậy, tức là chính pháp này cũng gọi là bốn Thánh chủng.

Hỏi: Vì sao hết thảy công đức này đều gọi là ý chỉ, chánh đoạn, như ý túc, của Thánh chủng?

Đáp: Vì có sức suy nghĩ mà phát sinh, lời bậc Thánh kia nói. Các pháp này được gọi là định, vì sức lo nghĩ nảy sinh, do định phát sinh, nên gọi là như ý túc.

Tinh tiến vì nhờ sức suy nghĩ phát sinh, nên nói là chánh đoạn. Sự nhớ nghĩ, vì nhờ sức suy nghĩ sinh khởi, nên gọi là ý chỉ. Sự ít ham muốn và biết đủ là, do sức suy nghĩ sinh ra, nên gọi là của Thánh chủng.

Đã cùng phân biệt phẩm Đạo, nay sẽ nói về tự tướng:

*Tịnh tín, tinh tiến niệm
Hỷ, tuệ, và ý giác
Hộ (xả), suy nghĩ, giới, định
Pháp này là phẩm đạo.*

Mười pháp này được nói là phẩm đạo, chẳng phải pháp nào khác. Trong đó, Tín là Tín căn, Tín lực. Tinh tiến là bốn chánh đoạn. Căn Tinh tiến, căn Tinh tiến, Lực Tinh tiến, giác chi là chánh phương tiện.

Niệm (sự nhớ nghĩ) là Niệm căn, Niệm lực, Niệm giác chi, chánh niệm.

Hỷ, là Hỷ giác chi.

Tuệ là bốn ý chỉ, Tuệ căn, Tuệ lực tuệ, Trạch pháp, Giác chi, chánh kiến là chánh kiến. Ý (khinh an) là Ý giác chi. Hộ (xả) là Hộ giác chi.

Tư duy là chánh chí.

Giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Định là bốn như ý túc: Định căn, Định lực định, Định chi giác, chánh định.

Hỏi: Vì sao pháp này lại phân biệt có nhiều thứ như vậy?

Đáp:

*Xứ phương tiện, một ý
Độn căn và lợi căn Kiến đạo, tư duy đạo
Phật nói ba bảy phẩm.*

Xứ: Chánh niệm, được lập trong duyên, nên gọi là ý chỉ.

Phương tiện: Là phương tiện chân chánh, nên gọi là chánh đoạn.

Một ý: Vì lập một ý, nên gọi là như ý túc. Sự yếu kém, chậm lụt: ý được nên nói là Căn.

Căn cơ nhạy bén: Ý của căn cơ nhạy bén mà được, nên gọi là lực.

Thấy đạo: Vì thấy đạo mà được nên gọi là chi đạo.

Tư duy đạo: Vì đạo tư duy mà được nên gọi là Giác chi.

Vì đây là phân biệt sự, nên Đức Phật nói ba mươi bảy phẩm, vì mười pháp sự này, nên Đức Phật nói ba mươi bảy phẩm.

Hỏi: Phẩm đạo này thuộc về địa nào?

Đáp:

*Nhị thiên vị lai thiên
Là nói ba mươi sáu
Tam, Tứ (thiên), ba mươi lăm
Trung gian thiên cũng vậy.*

Thiên thứ hai, vị lai, là nói ba mươi sáu: nghĩa là thiên thứ hai không có chánh chí, thiên vị lai không có Hỷ giác chi. Ngoài ra, còn có ba mươi bốn, ba mươi lăm. Thiên trung gian cũng vậy, nghĩa là thiên thứ ba, thiên thứ tư và thiên trung gian đều không có Hỷ giác chi, không có chánh chí, ngoài ra thì có.

*Sơ thiên, nói tất cả
Ba không, ba mươi một
Trên hết hai mươi một
Cõi Dục hai mươi hai.*

Thứ nhất là nói tất cả, nghĩa là Sơ thiên có đủ ba mươi bảy.

Ba không có ba mươi một, nghĩa là có ba mươi một trong ba không. Hỷ, chánh chí (chánh tư duy), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, thân ý chỉ, trong đó không có pháp khác.

Trên hết có hai mươi một: Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không có bảy giác, tám đạo và ý chỉ của thân.

Cõi Dục có hai mươi hai: Trừ chi giác, chi đạo, ngoài ra là có.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Có bốn cách ăn: Ăn vốc, ăn bằng xúc chạm, ăn bằng ý suy nghĩ, ăn bằng sự nhận thức. Những cách ăn này là thế nào?

Đáp:

*Đoàn thực, trong các ăn
Ba cách ăn cõi Dục
Thức, Tư và Cánh lạc (xúc)
Ăn ấy là hữu lậu.*

Đoàn thực: Ăn bằng nắm vốc, trong các cách ăn, là ba cách ăn ở cõi Dục, nghĩa là ăn vốc ở cõi Dục có ba cách:

Dùng hương vị, xúc để trừ bỏ cơn đói khát, nên nói là ăn. Nhận thức, suy nghĩ, cánh lạc (xúc) gọi là ăn. Nói là hữu lậu; nghĩa là thức hữu lậu, lo nghĩ hữu lậu, xúc hữu lậu gọi là ăn. Có nghĩa gì? Vì đời sau cứ tiếp nối nhau không dứt, nên gọi là ăn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói Tam-ma-đề: Không, Vô Nguyện, Vô Tướng. Tam-ma-đề này thực hành bao nhiêu hành?

*Vô nguyện có mười hành
Hai hành là định Không
Bốn hành trong hạnh Thánh
Nói là định Vô tướng.*

Vô nguyện có mười hành: Tam-ma-đề vô nguyện thực hành mười hành: Hành vô thường, khổ hạnh, bốn hành tập đế, bốn hành đạo đế.

Hai hành là định Không: Nghĩa là Tam-ma-đề Không, hai hành không và hành vô ngã.

Bốn hành trong hạnh Thánh, được gọi là định vô tướng: Bốn hành của diệt đế là Tam-ma-đề vô tướng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn điên đảo: Đối với vô thường tưởng có thường, tâm tưởng điên đảo, điên đảo thấy điên đảo. Khổ có tưởng vui, bất tịnh có tưởng tịnh, phi ngã có tưởng là ngã.

Tâm tưởng điên đảo, điên đảo thấy điên đảo, những điên đảo này, pháp nào là đoạn, pháp thế nào là Tánh?

*Hiểu rõ thấy khổ dứt,
Bốn thứ là điên đảo
Tất cả thấy ba tánh
Bỏ kiến nói chánh kiến.*

Hiểu rõ thấy khổ dứt bốn thứ đều là điên đảo, nghĩa là tất cả bốn thứ điên đảo do thấy khổ mà dứt, đều lấy làm chỗ hành khổ.

Tất cả tánh ba kiến gọi là bỏ kiến, chánh kiến: Tức điên đảo là tánh kiến của ba kiến. Trên hết trong ba kiến chấp, tức là nói điên đảo. Thân kiến là nói chấp ngã, vì ngã là ngã kiến. Biên kiến là chấp có thường và đoạn, trộm kiến thì bất tịnh chấp là tịnh. Những kiến chấp đó, là chỗ của tất cả hành khổ. Và do tánh của kiến mà chấp có tâm, tướng và kiến chấp làm cho rối loạn, nên gọi là tâm tướng điên đảo, điên đảo thấy điên đảo, nhưng không phải tánh điên đảo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có rất nhiều kiến, sáu mươi hai kiến là đứng đầu, thì thuộc kiến nào?

Đáp: Tất cả kiến đều thuộc về năm kiến, thân kiến là đứng đầu.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp:

Chê bai sự chân thật

Đó gọi là tà kiến

Không thật chấp là thật

Hai kiến này và trí.

Chê bai sự chân thật, điều đó là tà kiến, nghĩa là kiến chấp chê bai pháp chân thật cho là không. Chẳng hạn như nói: Không có bố thí, không có trai giới, không có nói pháp. Tất cả lối nói như vậy đều gọi là tà kiến.

Không phải thật mà chấp là thật, hai kiến này và trí: Nghĩa là ngã kiến không chân thật trong năm ấm. Quán ngã là có thật, gọi là thân kiến. Nó không phải lạc, tịnh chân thật, mà thấy là lạc tịnh, đó là kiến chấp. Trộm kiến và các tà trí khác, đều do tư duy mà dứt. Như ban đêm, thoáng thấy một pho tượng người bằng gỗ, rồi cho là kẻ trộm!

Thấy tịnh là trộm giới

Không nhân chấp là nhân

Thọ biên, nói thấy này

Nhưng đoạn diệt có thường.

Thấy tịnh là trộm giới, không phải nhân, chấp là nhân: Pháp này không phải là nhân pháp kia mà chấp là nhân. Kiến chấp như vậy gọi trộm giới, như khổ hạnh đến giải thoát.

Thọ nhận một bên, gọi kiến này là dựa vào đoạn diệt mà có thường. Thấy việc vô thường, chấp là thường, đấy là chấp có thường.

Nhân duyên tiếp nối nhau, không nhận biết rồi chấp là đoạn, đó là chấp đoạn, gọi là thọ lãnh biên kiến.

Đặt ra các chê bai

Do dựa vào hai bên

*Nếu có việc chuyển hành
Là chánh kiến nên đoạn.*

Đặt ra các chê bai, gọi là tà kiến. Nếu tà kiến đó, chê bai khổ, là do thấy khổ mà dứt. Nếu chê bai tập, thì do thấy tập mà dứt. Nếu chê bai diệt, thì do thấy diệt mà dứt. Nếu chê bai đạo thì do thấy đạo mà dứt.

Thân kiến lập ra khổ ngã là ngã, là thấy khổ mà dứt.

Trộm kiến, đặt ra chấp khổ là vui, là do thấy khổ mà dứt. Nếu tập là thấy tập mà dứt. Nếu chấp diệt, là thấy diệt mà dứt. Không thọ lãnh chánh pháp, nên thấy diệt mà dứt. Đạo cũng như vậy.

Nếu giới trộm hoạt động ở chỗ hữu lậu, là do thấy khổ mà dứt. Nếu hoạt động ở chỗ vô lậu, là do thấy đạo mà dứt. Chấp đoạn diệt, chấp thường còn, thì cũng do thấy khổ mà dứt. Năm ấm hiện có, là thọ đoạn diệt mà chấp là thường không phải không hiện. Trong đây là đã phân biệt tất cả các kiến.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói hai mươi hai căn, các căn này thế nào?

Đáp:

*Các giới ở bên trong
Thân ba, và mạng căn
Căn này dựa sống chết
Do bậc Thánh nói ra.*

Các giới ở bên trong, là mắt, tai, mũi, lưỡi, ý. Thân ba, nghĩa là thân căn có ba thứ: Là thân căn, nam căn, nữ căn. Mạng căn: Mạng căn thứ chín, căn này là chỗ nương dựa của sự sống, chết. Do bậc Thánh nói ra: Nghĩa là chín căn này làm nơi nương dựa của sinh tử, nên nói gốc chúng sinh, là tư tưởng về sự sống chết.

*Các phiền não từ thọ
Tin đầu dựa thanh tịnh
Chín căn gọi vô lậu
Ba căn dựa vào đạo.*

Các phiền não từ thọ: Nghĩa là với căn vui, căn khổ, căn mừng, căn lo và căn hộ (xả), thì các thọ này đều bắt nguồn từ các phiền não này nên nói là gốc.

Tín đứng đầu, dựa vào thanh tịnh, nghĩa là tín căn, tinh tiến, niệm, định, tuệ căn, đều dựa vào đó mà giải thoát, nên gọi là gốc.

Chín căn gọi vô lậu, là ba căn dựa vào đạo, nghĩa là niềm tin đứng đầu năm căn, ba thọ và ý căn, như vô lậu dựa vào đạo, nên gọi là gốc. Tín hành, pháp hành thuộc về đạo, là căn chưa biết, tư duy thuộc về đạo

là căn đã biết. Vô học thuộc về đạo là căn không biết.

Hỏi: Trong các căn này, có bao nhiêu thuộc cõi Dục, có bao nhiêu thuộc cõi Sắc, có bao nhiêu thuộc cõi Vô Sắc?

Đáp:

*Cõi Dục bốn, thiện tám
 Chủng tánh sắc có bảy
 Các tâm sở, có mười
 Một tâm, tuệ, đã nói.*

Cõi Dục có bốn: Là nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn là hoàn toàn thuộc cõi Dục. Ngoài ra, như đã nói trong phẩm giới.

Thiện có tám: Tín căn đứng đầu trong năm căn và ba vô lậu.

Chủng tánh của sắc có bảy, nghĩa là sắc căn có bảy: Là năm sắc căn, nam căn và nữ căn. Ngoài ra không phải sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu tâm tánh, bao nhiêu số của tâm tánh, có bao nhiêu không phải tâm tánh và có bao nhiêu không phải số của tâm tánh?

Đáp: Các tâm sở: Mười đức tin, đứng đầu trong năm căn và năm thọ. Nhất tâm, tuệ đã nói ấy là Ý căn. Căn khác, không phải tâm tánh, không phải là số tâm tánh.

Hỏi: Có bao nhiêu căn có báo, căn không có báo?

Đáp:

*Một và mười có báo
 Là do tuệ nói ra
 Mười ba căn có báo
 Thấy thật là phân biệt.*

Một là ưu căn nhất định có báo, vì hoàn toàn là thiện, bất thiện. Trong hiện tại, khởi phương tiện, là không từ sinh báo, không phải oai nghi, không phải nghề khéo, là do không phải vô ký, nên hoàn toàn có báo.

Và mười căn có báo, là do người tuệ đã nói, nghĩa là đức tin đứng đầu trong năm căn, nói hữu lậu thì có báo, vô lậu thì không có báo. Ý căn và ba thọ là vô ký và vô lậu thì không có báo. Thiện, bất thiện khác là có báo.

Khổ căn gọi là vô ký thì không có báo, ngoài ra căn khác thì có báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là báo, bao nhiêu căn không phải báo?

Đáp: Mười ba là báo, trông thấy thật, nghĩa là phân biệt, trong mười ba căn, hoặc tánh là báo, hoặc không phải sắc căn, bảy mạng căn,

ý căn và bốn thọ, pháp vô ký, nghĩa là sinh ra trong thiện, bất thiện, nên có báo.

Hỏi: Lúc sinh lần đầu tiên có bao nhiêu căn được báo trước?

Đáp:

*Hai, sáu, bảy, tám căn
Lúc đầu có được báo
Trong Dục có tưởng báo
Cũng sáu và trên một.*

Hai hoặc sáu, bảy, tám căn, nghĩa là lúc đầu thì có thể được báo, dần dần mới thành căn, như các loài sinh bằng trứng, sinh nơi ẩm ướt, sinh bằng thai, là ngay từ đầu có hai căn sinh là thân căn và mạng căn. Loài hóa sinh, vô hình có sáu căn: Năm sắc căn và mạng căn. Loài một hình có bảy loài hai hình có tám căn.

Trong Dục có tưởng về báo: Đây là hoàn toàn nói chúng sinh của cõi Dục.

Cũng có sáu và cõi trên có một căn, nghĩa là lúc sinh lần đầu ở cõi Sắc được sáu căn, cõi Vô Sắc có một căn. Bây giờ, hoàn toàn là tâm cấu uế, đây là do trên hoàn toàn cấu uế mà được pháp tâm, tâm sở, chứ không phải báo.

Hỏi: Lúc chết có bao nhiêu căn được xả sau cùng?

Đáp:

*Bốn xả tám và chín
Hoặc lại xả đến mười
Lúc chết dần dần diệt
Thiện xả đều thêm năm.*

Bốn xả tám và chín, hoặc lại xả đến mười, lúc chết dần dần diệt: Nghĩa là các tâm vô ký dần dần qua đời, sau cùng mới xả bốn căn: Thân, ý, mạng và xả căn.

Vô hình: Tâm vô ký trong lúc chết, xả tám căn.

Một hình: Xả chín, hai hình xả mười.

Thiện, xả thì mỗi căn đều tăng thêm năm, nghĩa là tâm thiện của người đó, cộng thêm tín đứng đầu trong năm căn.

Như vậy, cõi Sắc, Vô Sắc tùy thuộc vào căn có thể được, cũng như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu căn do thấy đạo mà dứt, do tư duy mà dứt và không có dứt?

Đáp:

Hai dứt, bốn không dứt

*Hai thứ căn có sáu
Ba vi diệu không dứt
Là tư duy khác dứt.*

Hai dứt, bốn không dứt, tức là bốn căn do thấy đạo mà dứt, do tư duy mà dứt. Bốn không dứt là ý căn và ba thọ. Hai thứ căn có sáu: Là Tín căn đứng đầu năm căn và Ưu căn.

Ba vi diệu không dứt: Nghĩa là ba vô lậu là không dứt. Nói khác tư duy khác dứt, là chín căn, do tư duy mà dứt. Mạng căn... tám và khổ căn.

Đã nói về các Khế kinh, bây giờ sẽ nói: Về môn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu thức: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức, các thức này biết pháp nào?

*Nếu chấp nghĩa các căn
Là năm thứ tâm giới
Thọ nhận tất cả pháp
Đó là ý thức giới.*

Nếu chấp nghĩa các căn là năm thứ tâm giới, là danh nghĩa năm thứ sắc, là năm thức biết, nhãn thức biết sắc, cho đến thân thức, biết xúc, thọ nhận tất cả pháp, đó là giới ý thức, nghĩa là ý thức biết hết thấy các pháp. Cảnh giới này là tất cả các pháp.

Hỏi: Có mười pháp tương ứng, không tương ứng với cõi Dục, tương ứng, không tương ứng với cõi Sắc, tương ứng, không tương ứng với cõi Vô Sắc, tương ứng, không tương ứng với hữu vi, vô lậu. Vô vi có hai thứ là thiện và vô ký. Trong đấy, nên dùng trí phân biệt. Cảnh giới của mỗi trí có bao nhiêu pháp?

Đáp:

*Phải nên biết năm pháp
Là cảnh giới pháp trí
Trí vị trí là bảy
Cảnh giới tha tâm, ba.*

Năm pháp, nên biết là cảnh giới của pháp trí, nghĩa là năm pháp là cảnh giới của pháp trí.

Tương ứng, không tương ứng với cõi Dục, là vô vi thiện, tương ứng, không tương ứng với vô lậu. Trí vị trí là bảy, nghĩa là cảnh giới của trí vị trí có bảy pháp, là vô vi thiện tương ứng, không tương ứng với vô lậu và cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Cảnh giới của tha tâm là ba, nghĩa là cảnh giới của trí tha tâm có ba pháp tương ứng với cõi Dục, cõi Sắc và vô lậu.

*Trí hữu lậu có mười
Cảnh giới nhân quả sáu
Trí giải thoát một pháp
Đạo hai, trí khác chín.*

Trí hữu lậu có mười, đó là trí hữu lậu là đẳng trí. Vì tất cả cảnh giới của mười pháp là cảnh giới của tất cả pháp.

Cảnh giới nhân quả có sáu, đó là khổ trí và tập trí là sáu pháp của cảnh giới, tương ứng, không tương ứng với ba cõi.

Trí giải thoát có một pháp, nghĩa là cảnh giới diệt trí có một pháp là chỉ có thiện vô vi. Đạo có hai nghĩa là cảnh giới đạo trí có hai pháp tương ứng, không tương ứng với hữu vi, vô lậu.

Nói trí khác có chín: Nghĩa là Tận trí, Vô sinh trí khác có chín pháp của cảnh giới, trừ vô vi, vô ký của cảnh giới đó, gọi là trí giải.

*Phiền não ở địa mình
Định sử ở địa mình
Khấp tất cả là chủng
Đều thuộc loại sử kia.*

Phiền não ở địa mình, định, sử địa mình, nghĩa là các phiền não cõi Dục sai khiến ở cõi Dục. Các phiền não của Phạm Thế đã sai khiến ở Phạm thế. Như vậy, đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ đều phải biết. Khấp tất cả là chủng, đều tùy thuộc ở loại sử kia, nghĩa là thông suốt tất cả cùng khấp hay không thông suốt tất cả cùng khấp, các phiền não sai khiến thì tùy ở chủng loại mà chung cho tất cả cùng khấp, cũng với chủng loại khác. Như thân kiến do thấy khổ mà dứt, trong đó, khổ đế đã dứt hết thấy sử sai khiến và thấy tập mà dứt nên chung cho tất cả. Như vậy, cho đến mạng căn, do tư duy mà dứt. Tư duy này dứt tất cả đối tượng sai khiến và chung cho tất cả.

*Phiền não ba cõi định
Định tồn tại ba cõi
Hai cõi cần phải biết
Một cõi cũng như vậy.*

Phiền não cõi nhất định, chắc chắn tồn tại ở ba cõi, nghĩa là pháp thuộc về ba cõi chắc chắn ở khắp ba cõi, ở đó tất cả là sử đối tượng sai khiến của ba cõi. Như ý căn, nhất định tồn tại ở ba cõi, trong đó tất cả là sử đối tượng sai khiến.

Hai cõi cần nên biết, nghĩa là pháp thuộc về hai cõi thì nhất định ở hai cõi, trong đó hết thấy là sử, đối tượng sai khiến của hai cõi, tùy thuộc vào cõi mà có thể được, như giác quán thì nhất định ở cõi Dục, cõi

Sắc, trong đó, cõi Dục cõi Sắc là tất cả sử, đối tượng sai khiến.

Một cõi cũng giống như vậy, nghĩa là pháp nhất định ở một cõi, trong cõi này, tất cả sử đối tượng sai khiến. Như căn ưu thì nhất định ở cõi Dục, trong đây cõi Dục là tất cả sử đối tượng sai khiến.

*Phật nói Khế kinh này Là chỉ rõ các
pháp Thức, trí và các sử Phân biệt ba
môn này.*

Nếu trong Khế kinh của Phật nói các pháp là ba môn, thì lẽ ra chia làm: Môn thức, môn trí, môn sử. Như nghĩa của năm căn trong Dục, hữu là sự nhận biết của sáu thức, bốn thức của cõi Sắc, trừ tỷ thức, thiệt thức, vì sự tương ứng, không tương ứng nên biết bả trí, vì năm chủng loại đều là sử của đối tượng của sử ở cõi Dục, cõi Sắc.
